

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2019
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Luân

Bà Thạch Thị Lan Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H có mặt, anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T xây dựng gia đình với nhau vào tháng 11/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/11/2009. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và anh T đã bỏ đi làm ăn xa được khoảng 03

năm và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung chị H xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/8/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và yêu cầu anh Nguyễn Anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung chị H xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 50.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận anh T sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau vào tháng 11/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình về chung sống vợ chồng anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không cùng chí hướng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh đã đi làm ăn xa khoảng 03 năm và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng anh chị vẫn liên lạc để hàn gắn mâu thuẫn nhưng vẫn không được nên chị H đề nghị ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung anh T xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/8/2010. Khi ly hôn anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu chị Hà phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung anh T xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 50.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận anh sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn

yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung, đề nghị giao con là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/8/2010 cho anh T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T xây dựng gia đình với nhau vào tháng 11/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/11/2009. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị H làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau nên trong cuộc sống gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Còn anh T vắng mặt nhưng trong lời khai của mình thì anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị H và anh T toàn phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng lại không cùng quan điểm trong việc xây dựng phát triển kinh tế gia đình nên thường hay xảy ra xung đột. Mặt khác, do cả đôi bên đều không nhẫn nại, không cố gắng tìm biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nên mâu thuẫn kéo dài khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng và đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng để cải thiện. Do đó, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T có 01 con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/8/2010. Trong quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị H đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng, còn anh T cũng yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải và tại phiên Tòa chị H

thay đổi ý kiến đề nghị giao con cho anh T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu A hiện nay đã trên 07 tuổi lại có nguyện vọng được sống với bố khi bố mẹ không chung sống với nhau. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/8/2010 cho anh Nguyễn Anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị H và anh T xác định có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 50.000.000đồng. Khi ly hôn, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên và tại bản tự khai của mình anh T cũng thống nhất theo yêu cầu của chị H. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ngân hàng, tuy nhiên Ngân hàng không đến Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản cụ thể về việc yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ vay khi chị H và anh T ly hôn hay không nên Tòa án không có cơ sở để xem xét, giải quyết số nợ trên trong vụ án. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác theo thủ tục chung.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 02/8/2010 cho anh Nguyễn Anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001063 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

“Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Báo cho chị Nguyễn Thị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2019). Riêng anh Nguyễn Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã Phúc T;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Thúy